

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 24-10-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và
chia tài sản chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng.

Ông Ngô Tấn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 24/10/2019 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLPT- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm
2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 70/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 8 năm
2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2019/QĐ-PT
ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã A, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*:

Luật sư **Võ Thị Băng Giang** – Luật sư của Văn Phòng Luật sư Băng
Giang thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: **Nguyễn Thị R**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã A, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn R là anh Nguyễn Vĩnh Tường, sinh
năm 1990; Địa chỉ: số 09, đường nội bộ Lãng, Khóm 3, Phường 4, thành phố Cao
Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo là chị Nguyễn Thị R là bị đơn trong vụ án.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Văn G trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh G và chị R chung sống với nhau vào cuối năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh ngày 24/10/2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Nay, anh G nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng không thể sống chung được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh G yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị R.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 06/9/1997 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày 03/6/2000. Khi ly hôn, hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

Vợ chồng có 02 căn kios diện tích 18m² tại Chợ Tân Hội Trung, chị R đã bán được 160.000.000 đồng và giữ tiền; 02 chiếc xe hai bánh giá 30.000.000 đồng; 01 căn nhà số 373 cất (xây dựng) năm 2008 trên diện tích đất 72m² (đo đạc thực tế 73,9m²), thuộc thửa 1048 và thửa 1049, tờ bản đồ số 8 do anh G đại diện hộ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nay là thửa 208, tờ bản đồ số 5), tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Theo Đơn khởi kiện, anh G yêu cầu được nhận căn nhà và đất.

Tuy nhiên, tại phiên tòa anh G có thay đổi yêu cầu khởi kiện là anh yêu cầu được nhận căn nhà và đất, anh đồng ý trả tổng cộng 150.000.000 đồng (gồm phần ½ giá trị căn nhà và đất + hỗ trợ thêm) cho chị R. Vì anh G cho rằng nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng: Vào khoảng 8/1999, vợ chồng có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn Hiếu diện tích đất nêu trên và cất nhà ở trên đất cho đến nay. Lý do anh G yêu cầu được nhận căn nhà và đất là để anh tiếp tục công việc chính của anh làm thợ hớt tóc để tạo thu nhập nuôi sống bản thân và lo cho cháu Nguyễn Quốc D đang học đại học, anh làm nghề tại địa chỉ trên được nhiều năm, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng, nếu đi nơi khác thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến công việc và thu nhập của anh, đặc biệt là sẽ ảnh hưởng đến việc học của cháu Duy.

Đối với các tài sản chung khác là 160.000.000 đồng tiền bán căn kios; 02 xe hai bánh; phòng hớt tóc (ký hiệu b1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh), mái che gắn liền với phòng hớt tóc được xây dựng trên phần đất vỉa hè của Nhà nước; phần đất mua thêm của ông Đặng Văn Hiếu có diện tích là 9,1m² (nằm trong phạm vi từ mốc 1 đến mốc 2, 7, 8 trở lại mốc 1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký

đất đai huyện Cao Lãnh) và các đồ dùng, vật dụng khác trong gia đình thì vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1048, 1049 hiện nay anh G đang quản lý (tại phiên tòa, anh G có xuất trình cho Hội đồng xét xử xem).

Anh G thống nhất với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh; Sơ đồ đo đạc ngày 27/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh; Biên bản định giá tài sản ngày 17/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản.

Anh G tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản.

Anh G thống nhất yêu cầu Tòa án không đưa ông Đặng Văn Hiếu vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và anh G không yêu cầu về công sức đóng góp, tôn tạo, duy trì và phát triển đối với tài sản chung.

*** Bị đơn Nguyễn Thị R trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị R thống nhất với ý kiến trình bày của anh G. Nay, vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa nên chị R đồng ý ly hôn với anh G.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 06/9/1997 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày 03/6/2000. Khi ly hôn, hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản:

Có 01 căn nhà cất (xây dựng) năm 2008 trên phần diện tích đất 72m² (đo đạc thực tế 73,9m²), thuộc thửa 1048 và thửa 1049, tờ bản đồ số 8 do anh G đại diện hộ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nay là thửa 208, tờ bản đồ số 5), tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị R cho rằng phần đất là tài sản riêng của chị. Vì vào năm 1996, chị có nhận chuyển nhượng diện tích đất này của ông Đặng Văn Hiếu, việc mua bán có làm giấy tay, nhưng chị đã làm mất. Chị R cho rằng tài sản này chị mua trước thời kỳ hôn nhân nên đây là tài sản của riêng chị. Việc chị cho anh G đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để tiện cho việc vay vốn làm ăn. Nay ly hôn, chị yêu cầu anh G trả lại đất cho chị. Đối với căn nhà (gồm 01 phòng khách, 01 phòng ngủ, 01 phòng bếp, 01 nhà tắm + nhà vệ sinh, 01 sân nước tráng xi măng, 01 mái che gắn liền phía sau nhà) thì chị R thống nhất đây là tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn chị yêu cầu chia đôi và chị yêu cầu được nhận nhà, chị đồng ý trả ½ giá trị nhà cho anh G.

Đối với các tài sản chung khác là 160.000.000 đồng tiền bán căn kios; 02 xe hai bánh; phòng hớt tóc (ký hiệu b1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh), mái che gắn liền với phòng hớt

tóc được xây dựng trên phần đất vỉa hè của Nhà nước; phần đất mua thêm của ông Đặng Văn Hiếu có diện tích là $9,1m^2$ (nằm trong phạm vi từ mốc 1 đến mốc 2, 7, 8 trở lại mốc 1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh) và các đồ dùng, vật dụng khác trong gia đình thì vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Chị R tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu được nuôi các con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con (vì hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và rút yêu cầu về việc yêu cầu anh G trả lại diện tích đất $72m^2$ (đo đạc thực tế $73,9m^2$), thuộc thửa 1048 và thửa 1049, tờ bản đồ số 8 do anh G đại diện hộ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nay là thửa 208, tờ bản đồ số 5), tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (vì chị cho rằng đây không phải là yêu cầu phản tố, mà chỉ là ý kiến của chị).

Chị R thống nhất với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh; Sơ đồ đo đạc ngày 27/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh; Biên bản định giá tài sản ngày 17/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản.

Chị R thống nhất yêu cầu Tòa án không đưa ông Đặng Văn Hiếu vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chị R không yêu cầu về công sức đóng góp, tôn tạo, duy trì và phát triển đối với tài sản chung.

- Về nợ chung: Anh chị thống nhất không có, nên tôi không có ý kiến gì.

Tại quyết định bản án sơ thẩm số 70/2019/HNGĐ-ST, ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn G.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị R.

- Về tài sản chung:

+ Xác định tài sản chung gồm:

Diện tích đất $72m^2$ (đo đạc thực tế $73,9m^2$), thuộc thửa 1048 và thửa 1049, tờ bản đồ số 8 do anh G đại diện hộ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nay là thửa 208, tờ bản đồ số 5), tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có giá trị là $73,9m^2 \times 700.000 \text{ đồng}/m^2 = 51.730.000 \text{ đồng}$.

01 căn nhà được cất (xây dựng) năm 2008, chỉ có 01 vách tôn, khung gỗ tạp, mái lợp tôn sóng vuông, nền lát gạch men (nhà gồm 01 phòng khách, 01 phòng ngủ, 01 phòng bếp, 01 nhà tắm + nhà vệ sinh, 01 sân nước tráng xi măng, 01 mái che gắn liền phía sau nhà) có giá trị là 45.852.000 đồng.

+ Về chia tài sản:

Anh Nguyễn Văn G được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 72m² (đo đạc thực tế 73,9m²), thuộc thửa 1048 và thửa 1049, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa 208, tờ bản đồ số 5), tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và sở hữu căn nhà được cất (xây dựng) trên đất vào năm 2008, chỉ có 01 vách tôn, khung gỗ tạp, mái lợp tôn sóng vuông, nền lát gạch men (nhà gồm 01 phòng khách, 01 phòng ngủ, 01 phòng bếp, 01 nhà tắm + nhà vệ sinh, 01 sàn nước tráng xi măng, 01 mái che gắn liền phía sau nhà) theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh và Sơ đồ đo đạc ngày 27/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh.

Anh Nguyễn Văn G được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn G có trách nhiệm giao cho chị Nguyễn Thị R tổng số tiền 150.000.000 đồng (gồm phần ½ giá trị nhà và đất + phần hỗ trợ thêm).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị R về việc yêu cầu được nuôi các con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu anh G trả lại diện tích đất 72m² (đo đạc thực tế 73,9m²), thuộc thửa 1048 và thửa 1049, tờ bản đồ số 8 do anh G đại diện hộ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nay là thửa 208, tờ bản đồ số 5), tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo Đơn khởi kiện ngày 25/02/2019.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí chia tài sản khi ly hôn là 2.439.500 đồng. Tổng cộng anh G phải chịu 2.739.500 đồng (hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.050.000 đồng (tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số BH/201//0001163 và Biên lai thu số BH/2017/0001164 cùng ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn G 5.310.500 đồng (năm triệu ba trăm mười nghìn năm trăm đồng).

Chị Nguyễn Thị R phải chịu án phí chia tài sản khi ly hôn là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số BH/2017/0006290 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Chị R phải nộp thêm 4.375.000 đồng (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

4. Về tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 2.654.000 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng), anh Nguyễn Văn G tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/8/2019, chị Nguyễn Thị R kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết để cho chị nhận lại diện tích đất nền là 73,9m² là tài sản riêng của chị và yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà thành 2 phần, chị nhận căn nhà và đồng ý trả cho anh G ½ giá trị để chị cùng các con sinh sống.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Vĩnh Tường là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị R có thay đổi yêu cầu kháng cáo là thống nhất diện tích đất 73,9 m² là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu được nhận nhà và đất đồng ý trả cho anh G ½ giá trị với số tiền là 200.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị R, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của chị R, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh G và chị R sống chung với nhau như vợ chồng vào cuối năm 1996 và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2002. Đến ngày 14/6/2001, anh G có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đặng Văn Hiếu và làm thủ tục kê khai, đăng ký để được đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 72m² (đo đạc thực tế 73,9m²), thuộc thửa 1048 và thửa 1049, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa 208, tờ bản đồ số 5), tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng đã cất nhà sinh sống trên đất từ năm 1999 cho đến nay. Nay chị R cho rằng phần diện tích đất 73,9 m² là tài sản riêng do chị mua của ông Hiếu vào năm 1996, còn căn nhà trên diện tích đất là tài sản của vợ chồng nhưng chị yêu cầu được nhận nhà và trả giá trị căn nhà cho anh G. Xét yêu cầu của chị R Hội đồng xét xử xét thấy đối với phần diện tích 73,9m² hiện tại do anh Nguyễn Văn G được đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ là do trên cơ sở hợp đồng chuyển

nhượng từ ông Đặng Văn Hiếu, hơn nữa chị R cũng thừa nhận là đồng ý để cho anh G đứng tên để tiện việc vay vốn làm ăn của vợ chồng và đồng thời ông Hiếu trình bày là bán đất 73,9 m² cho chị vào năm 1998 chứ không phải năm 1996 như chị trình bày và việc chị xác định diện tích đất này là tài sản riêng thì không được anh G không đồng ý. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị R xác định diện tích đất và nhà đang tranh chấp là tài sản chung và yêu cầu được nhận nhà và đất đồng ý trả cho anh G là 200.000.000 đồng. Xét thấy hiện tại anh G là người đang ở trong căn nhà và có nghề nghiệp ổn định sinh sống tại nhà còn chị R thì đi ra ngoài sinh sống khoảng tháng 02/2018 đến nay, từ khi chị đi cho đến nay thì anh G cũng có hỗ trợ cho chị hàng tháng với số tiền là 3.900.000 đồng đến khi nào Tòa án xét xử xong vụ ly hôn của anh, chị và đồng thời để tạo điều kiện cho anh G đang nuôi con học đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với căn nhà và diện tích đất hội đồng định giá đã định là chưa đến số tiền 100.000.000 đồng, nhưng anh G đã tự nguyện hỗ trợ thêm và đồng ý giao cho chị R số tiền là 150.000.000 đồng. Do vậy từ các căn cứ trên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao nhà và đất tranh chấp cho anh G và anh G có trách nhiệm giao cho chị R 150.000.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của chị R cũng không có đưa ra được căn cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng của mình là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị R.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Văn G trình bày: bản án của Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ vì anh G yêu cầu được nhận nhà và đất là để làm ăn, nuôi con ăn học đại học, hàng tháng hiện nay anh G đều gởi tiền cho con cũng như gần đây đã mua máy tính và điện thoại cho cháu để phục vụ cho việc học tập nên đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và đề nghị này là phù hợp như nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị R, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị R, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[6] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên chị Nguyễn Thị R phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị R.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 70/2019/HNGĐ-ST ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn G.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị R.

- Về tài sản chung:

Anh Nguyễn Văn G được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 72m² (đo đạc thực tế 73,9m²), trong phạm vi các mốc 2-3-6-7-2 thuộc thửa 1048 và thửa 1049, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa 208, tờ bản đồ số 5) và căn nhà gắn liền với đất mà anh đang quản lý, tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và sở hữu căn nhà gắn liền với đất (kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh và Sơ đồ đo đạc ngày 27/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh)

Anh Nguyễn Văn G có trách nhiệm giao cho chị Nguyễn Thị R số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Nguyễn Văn G được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết Ngân, sinh năm 1997 và Nguyễn Quốc Duy, sinh ngày 03/6/2000. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị R về việc yêu cầu anh G trả lại diện tích đất 72m² (đo đạc thực tế 73,9m²), thuộc thửa 1048 và thửa 1049, tờ bản đồ số 8 do anh G đại diện hộ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

(nay là thửa 208, tờ bản đồ số 5), tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo Đơn khởi kiện ngày 25/02/2019.

5. Về án phí sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí chia tài sản khi ly hôn là 2.439.500 đồng. Tổng cộng anh G phải chịu 2.739.500 đồng (hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.050.000 đồng (tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001163 và Biên lai thu số 0001164 cùng ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn G 5.310.500 đồng (năm triệu ba trăm mười nghìn năm trăm đồng).

Chị Nguyễn Thị R phải chịu án phí chia tài sản khi ly hôn là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0006290 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Chị R phải nộp thêm 4.375.000 đồng (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Về tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 2.654.000 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng), anh Nguyễn Văn G tự nguyện chịu và đã nộp xong.

6. Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị R phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003219 ngày 28/8/2019 (đã nộp xong).

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy